TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HS-ST.
Ngày: 27-9-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Phú.

2. Ông Phan Văn Trường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trường A, sinh năm 1985 tại tỉnh Gia Lai (tỉnh Bình Định cũ).

Nơi cư trú: Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai (thôn B, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định cũ).

CCCD: 052085009035. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1954; Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 05 chị em. Có vợ tên Nim A M, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh 2005, nhỏ sinh năm 2010.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2025 đến ngày 05/6/2025 chuyển tạm giam đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực N (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH H1.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp N, xã N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A, Tổ A, khu phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Nguyễn An N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2003, Nguyễn Trường A lấy hồ sơ xin việc làm của anh rể tên là Đặng Q, sinh năm: 1978, HKTI thôn P, xã H, tỉnh Gia Lai, rồi dán hình ảnh của A vào bộ hồ sơ và sử dụng tên là Đặng Q để làm việc tại Công ty tại bộ phận kho 3 của Công ty H1, KCN N, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm việc tại công ty A1 thấy việc quản lý da (loại da Sam Woon) sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện việc lấy trộm tài sản A rủ Nguyễn Quang S là bảo vệ cổng ra cho xe vào, ra khỏi công ty và Nguyễn An Nghĩa L bảo vệ thực hiện việc tuần tra kiểm soát của công ty, hướng dẫn các xe vào công ty lấy hàng cùng thực hiện. Cả nhóm bàn bạc việc chia tiền sau khi lấy trộm được như sau: Sơn 50%, còn lại 50% là của A và N, A đi tìm thuê xe ô tô tải, biển số: 54V-1518 của Vũ Văn H, (sinh năm 1982, thường trú tại A, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh để chở hàng, H đồng ý. Cả nhóm thực hiện 03 vụ trộm cắp như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 27/2/2007, A điện thoại báo cho S và N hẹn tối sẽ có xe ôtô vào công ty chở hàng để S, N chuẩn bị. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, A và H thỏa thuận thuê xe ôtô BS: 54V-1518 của H để chở một ít da bò đem đi gia công từ công ty H1 tới Ngã tư ga thành phố Hồ Chí Minh với giá 650.000đồng/chuyến, H đồng ý lái xe cùng A chạy vào công ty H1. Khi tới cổng chính công ty S cấp ngay cho H một giấy phép chạy xe trong công ty, còn N lên xe chỉ đường cho H chạy thẳng vào xưởng 1 của công ty. Tại đây, A đã nhờ một số công nhân (chưa xác định rõ nhân thân) kiêng lên xe khoảng 300kg da bò, sau đó H điều khiển xe ra cổng trả lại giấy cho S rồi cùng A chở số da trên đến Ngã tư ga như đã thỏa thuận nhưng không thấy chỗ thu mua da bò nên A yêu cầu H chạy đi tiếp, hứa sẽ trả thêm tiền nên H đồng ý rồi tiếp tục điều khiển xe đi theo chỉ dẫn của A chạy tới nhà Nguyễn Hồng S1, sinh 1970, thường trú tại 581/43 tổ A, khu phố I, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. A bán toàn bộ số da này cho Nguyễn Hồng S1 được 30.000.000 đồng. Trên đường về, A trả tiền thuê xe cho H số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, A chia cho Nguyễn Quang S số tiền 23.500.000 đồng, S chia lại cho N 5.000.000 đồng. A được hưởng lợi số tiền 4.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ ngày 14/03/2007, Nguyễn Trường A liên lạc với H để thuê xe chở da bò đem đi gia công, sau đó H sử dụng xe ôtô biển số 54V-1518 đến Công ty thì được Nguyễn Quang S cấp giấy ra vào xe, lúc này Nguyễn An N lên xe đi

cùng với H vào trong kho, tại đây A đã chờ sẵn để bốc xếp da bò lên xe, A và N lấy trộm được khoảng 08 cây da (63 tấm da) và chở đi bán cho Nguyễn Hồng S1, như lần đầu được số tiền 11.000.000 đồng, A trả tiền thuê xe cho H 2.000.000 đồng, A đưa cho Nguyễn Quang S 7.000.000 đồng, S chia cho N 2.000.000 đồng. A được hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 ngày 19/3/2007, Nguyễn Trường A, Nguyễn Quang S, Nguyễn An N liên hệ với H sử dụng xe ôtô biển số 54V-1518 vào công ty chở số da bò đem đi gia công. H lái xe đến Công ty, S cấp cho H 1 giấy được phép chạy xe trong công ty nhưng không vào sổ, còn N leo lên xe chỉ đường cho H chạy xưởng 1, A đã nhờ 02 công nhân (chưa xác định rõ nhân thân). H xuống xe mở bừng để cho những thanh niên mặc đồ công nhân bốc da lên xe ôtô thì bị công ty H1 phát hiện trình báo cho Đ1 Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch tới lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ 226 tấm da, xe ôtô BS: 54V-1518. Bắt giữ Nguyễn Quang S, Nguyễn An N và Vũ Văn H, còn Nguyễn Trường A thì bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 02/6/2025 Nguyễn Trường A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đầu thú.

Tại biên bản định giá tài sản số: 42/BB-HĐĐG ngày 26/06/2007 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận 300kg da đã thuộc dùng để sản xuất giày trị giá 89.369.280 đồng.

Tại biên bản định giá tài sản số: 43/BB-HĐĐG ngày 26/6/2007 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận 63 tấm (tương đương 150kg) da đã thuộc dùng để sản xuất giày trị giá 44.684.640 đồng.

Tại biên bản định giá tài sản số 16/BB-HĐĐG ngày 22/3/2007 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 226 tấm da trị giá 184.977.113 đồng.

Riêng đối với Nguyễn Quang S và Nguyễn An N cùng thực hiện hành vi phạm tội với Nguyễn Trường A đã được xét xử tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 18/3/2008 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Quang S 04 năm tù giam, Nguyễn An N 04 năm tù giam và xử lý vật chứng theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty H1 không yêu cầu Nguyễn Trường A bồi thường nên không xét đến.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ bị cáo Nguyễn Trường A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với biên bản phạm tội quả tang cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSKV 2 ngày 04/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường A về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố, hành vi giúp sức của bị cáo A là chủ mưu cùng với S và N thực hiện việc trộm cắp tài sản nhiều lần với giá trị lớn. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội lại bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án, cơ quan có thẩm quyền phải

thực hiện việc truy nã một thời gian dài. Sau đó được gia đình vận động mới ra đầu thú. Hành vi và vai trò của bị cáo nên cần phải xử nặng hơn S và N.

Hành vi phạm tội xảy ra năm 2007 đến khi A ra đầu thú áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13 thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước ngày 01/01/2018. Vì vậy, cần áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) đối với hành vi của Nguyễn Trường A.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trường A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025).

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại phiên tòa đại diện Việm kiểm sát rút lại một phần về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025) do xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội A không giữ chức vụ gì trong Công ty TNHH H1.

Đối với S và N và về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 18/3/2008 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường A khai nhận: Từ ngày 27/02/2007 đến ngày 19/03/2007, Nguyễn Trường A rủ Nguyễn Quang S, Nguyễn An N thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại Công ty TNHH H1 như sau:

Vụ thứ nhất vào ngày 27/02/2007, Nguyễn Trường A, Nguyễn Quang S và Nguyễn An N lén lút trộm cắp 300kg da với tổng trị giá: 89.369.280 đồng rồi mang bán lấy tiền chia nhau tiêu xài;

Vụ thứ hai vào ngày 14/3/2007, Nguyễn Trường A, Nguyễn Quang S và Nguyễn An N lén lút trộm cắp 63 tấm da (tương đương 150kg) trị giá 44.684.640 đồng rồi mang bán lấy tiền chia nhau tiêu xài;

Vụ thứ ba vào ngày 19/3/2007, Nguyễn Trường A, Nguyễn Quang S và Nguyễn An N lén lút trộm cắp trộm cấp 226 tấm da bò với giá trị 184.977.113 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 319.031.033 đồng.

Hành vi phạm tội xảy ra năm 2007 đến khi A ra đầu thú, áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 thì các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước ngày 01/01/2018. Vì vậy, cần áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) đối với hành vi của Nguyễn Trường A.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trường A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo A là người chủ mưu rủ rê 02 người còn lại là N và S cùng thực hiện hành vi phạm tội, 03 lần chiếm đoạt tài sản là các tấm da bò của Công ty TNHH H1 với giá trị mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm và tổng giá trị chiếm đoạt lớn.

Do đó, bị cáo thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tổ chức và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Sau khi gây án bị cáo A lại bỏ trốn phải truy nã một thời gian gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Việm kiểm sát rút lại một phần về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) do xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội A không giữ chức vụ gì trong Công ty TNHH H1. Việc rút một phần truy tố về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, nộp lại tiền do phạm tội mà có, gia đình bị cáo khó khăn nên xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi của S và N: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 18/3/2008 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Vật chứng vụ án:

- Vật chứng đã thu giữ trong vụ án này đã được xử lý tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 18/3/2008 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- 01 điện thoại di động mà Nguyễn Trường A sử dụng làm phương tiện liên lạc với Nguyễn Quang S, Nguyễn An N không thu hồi được

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong tại Bản án số 58/2008/HSST ngày 18/3/2008 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa đại diện Công ty H1 cũng không yêu cầu Nguyễn Trường A bồi thường nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với Vũ Văn H được Nguyễn Trường A thuê đi chở hàng da đi bán nhưng H không biết số da được thuê chở là tài sản do A và đồng phạm trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Hồng S1 là người trực tiếp mua số da do Nguyễn Trường A bán, khi bán A nói S1 đây là hàng thanh lý nên S1 không biết đây là hàng do A phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trường A** phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (4);
- Bị cáo (1); Bị hại (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An